

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/ HNGĐ- ST

Ngày: 24-12-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạ

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn chị Trịnh Thị L và bị đơn anh Nguyễn Duy L1 trình bày:

Chị L và anh L1 kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ(nay là UBND phường Đ), thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị L 22

tuổi làm lao động tự do, anh L1 24 tuổi làm nghề lái xe. Anh chị có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau được 1 tháng thì đi đến kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà chị L. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam P 4-T gần 10 năm. Thời gian anh L1 phải đi chấp hành án, theo chị L trình bày anh L1 hay ghen tuông, nghi ngờ tình cảm của chị, hai bên có lời qua tiếng lại, xúc phạm, chửi bới nhau. Theo anh L1 nguyên nhân là do khi anh đầu phải chấp hành án, chị L thờ ơ, đối xử lạnh nhạt với anh, không thường xuyên vào thăm hỏi mà bỏ mặc anh. Đến tháng 9 năm 2021, anh L1 chấp hành án xong về sinh sống cùng chị L nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị L đề nghị được ly hôn anh L1 nhưng anh L1 không đồng ý mà còn đe dọa tính mạng chị và con cái. Vợ chồng còn xảy ra mâu thuẫn trong việc sinh hoạt tình cảm vợ chồng khiến chị L không thể chịu đựng được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn anh L1. Anh L1 trình bày do không thể hàn gắn, đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn chị L nhưng anh không đến Toà án để làm việc.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/4/2008, hiện đang ở với chị L. Nếu vợ chồng ly hôn, anh chị đều thống nhất giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại, chị L làm nghề tự do, buôn bán, thu nhập hàng tháng là 7.000.000đồng, anh L1 mới đi chấp hành án về nên chưa có việc làm, chưa có thu nhập. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản, nợ: Chị L và anh L1 xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với L3-mẹ đẻ anh Long, bà C-mẹ đẻ chị L xác nhận: Chị L và anh L1 kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị sinh sống chủ yếu ở nhà chị L. Quá trình anh chị chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012. Nguyên nhân là do anh L1 phải đi chấp hành án về tội “Tham ô tài sản” tại trại giam P 4-T, chị L ở ngoài đi làm nuôi con. Vợ chồng không có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau nên anh chị có nghi ngờ, đối xử với nhau lạnh nhạt. Khoảng 2 năm trở lại đây, anh chị hầu như không thăm hỏi, liên lạc với nhau. Đến tháng 9 năm 2021, anh L1 chấp hành án xong về sinh sống cùng chị L nhưng vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, tranh luận, xô xát lẫn

nhau. Anh L1 muốn níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng chị L ruồng rẫy, không quan hệ tình cảm với anh L1 dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nặng nề, căng thẳng. Nay chị L xin ly hôn anh L1, quan điểm hai gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định của pháp luật. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/4/2008, nếu anh chị ly hôn, Tòa án giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng thì bà C vẫn đồng ý cho mẹ con chị L tiếp tục sinh sống tại nhà bà và bà hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa:

Chị L và anh L1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh L1. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/4/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trịnh Thị L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Duy L1 có địa chỉ cư trú tại khu dân cư T, phường Đ, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Duy L1 là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn xin xử vắng mặt, chị L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh L1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Duy L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sinh sống hòa thuận được thời gian dài mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L1 vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án tại Trại giam từ năm 2012 đến tháng 9 năm 2021. Anh chị không sinh sống cùng nhau nên nảy sinh nghi ngờ, ghen tuông, đối xử lạnh nhạt với nhau. Tình cảm vợ chồng không những không được cải thiện mà đến khi anh L1 chấp hành án xong về sinh sống cùng chị L, vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp trong việc sinh hoạt tình cảm vợ chồng. Anh L1 muốn níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý. Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân, con chung của anh chị nhưng anh L1 có đơn xin vắng mặt, không tham gia hòa giải. Bản thân anh L1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn chị L. Vì thế, Hội đồng xét xử xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L và anh L1 tự nguyện ly hôn nên chấp nhận chị Trịnh Thị L ly hôn anh Nguyễn Duy L1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Cháu Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/4/2008 ở với chị L từ nhỏ, hiện cháu đang là học sinh lớp 8A3 trường THCS T, thành phố T, tỉnh T. Chị L có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định. Anh L1 mới đi chấp hành án về chưa có việc làm, chưa có thu nhập. Vì thế, tiếp tục giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của hai anh chị, phù hợp nguyện vọng của chị L, anh L1, cháu V. Về yêu cầu cấp dưỡng, chị L tự nguyện không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị L và anh L1 không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị L ly hôn anh Nguyễn Duy L1.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 01/4/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh L1 có quyền gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002823 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường Đ, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương